

Ngày: 29 - 5 - 2026

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Ông Nguyễn Văn Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1018/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với:

Bị cáo: **Phạm Hoàng T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1993 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Số C đường T, Tổ B, phường C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc H (sinh năm 1960, chết), mẹ: Đặng Thu M (sinh năm 1966 - còn sống). Gia đình bị cáo có 02 người con, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Lê Thị Bích H1 (sinh năm 1996); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2026.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1995, trú tại: C Đoàn N, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Chị Tán Thị Thanh T1, sinh năm 1981, trú tổ B, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Bích H1, sinh năm 1996, trú tổ B K, phường C, thành phố Đà Nẵng. Xin vãng mắt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 03/01/2026, Phạm Hoàng T điều khiển xe mô tô hiệu SH mode màu đỏ đen biển kiểm soát 43G1-348.42 đến chợ C phường C, thành phố Đà Nẵng để mua sắm. Tại đây, T phát hiện chị Nguyễn Thị Tuyết N để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương tại hộc bên trái phía trước xe mô tô hiệu Vision màu xanh biển kiểm soát 43G1-263.16 và dừng lại trước Kiot 31-31 của chợ để mua rau nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. T điều khiển xe tiến lại gần, lợi dụng lúc chị N không để ý, T dùng tay trái lấy trộm chiếc điện thoại của chị N cất vào túi áo khoác rồi tẩu thoát.

Sau đó, T thấy tiệm điện thoại Bảo N1 nên ghé vào hỏi bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho chị Tân Thị Thanh T1. Lúc này, chị T1 kiểm tra thì phát hiện chiếc điện thoại bị khóa nên chị T1 có hỏi nguồn gốc thì T nói đây là chiếc điện thoại T lượm được, không biết của ai nên muốn "bán xác". Vì muốn mua điện thoại để lấy linh kiện trong điện thoại nên chị T1 đồng ý mua lại với giá 2.500.000đ.

Sau khi bán điện thoại cho chị T1, T quay lại chợ C1 mua hàng hết 1.400.000đ. Số tiền còn lại T cất trong túi áo đem về nhà cất giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND phường C kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 12 Promax tại thời điểm tháng 01/2026 trị giá 5.670.000đ.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-KV3 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

+ Đối với số tiền 1.100.000đ của bị cáo T, 1.400.000đ bị cáo T tự nguyện giao nộp: Do chị T1 dùng số tiền 2.500.000đ để mua lại điện thoại của T nhưng không biết đây là điện thoại do T trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho chị T1 là có cơ sở.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu SH mode màu đỏ đen biển kiểm soát 43G1-348.42: Qua xác minh là tài sản riêng của chị Lê Thị Bích H1 (vợ T) mua trước thời kỳ hôn

nhân. Chị H1 không biết T dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại xe cho chị H1 là có cơ sở.

+ Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, số IMEI 1: 35 777 175 0844 545, số IMEI 2: 35 777 175 0814 167 thu giữ của chị T1: Đây là điện thoại của chị Nguyễn Thị Tuyết N. Sau khi định giá phục vụ điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho chị N là có cơ sở.

Về phần dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, chị Tân Thị Thanh T1 đã nhận lại số tiền 2.500.000đ, không yêu cầu về phần dân sự nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoàng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã biết ăn năm hối hận để bị cáo có cơ hội về địa phương làm việc, làm công dân tốt, chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoàng T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 03/01/2026, tại chợ C phường C, thành phố Đà Nẵng, Phạm Hoàng T đã có hành vi lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị Tuyết N chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương trị giá 5.670.000đ (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Phạm Hoàng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 48/CT-VKS-KV3 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo T đã có hành vi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội tại địa phương nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly T ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, tạo cho bị cáo T một cơ hội được tiếp tục cải tạo, sửa chữa tại địa phương cũng có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T trộm cắp tài sản có giá trị không lớn nên HĐXX không áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 2.500.000đ, gồm 1.100.000đ của bị cáo T, 1.400.000đ bị cáo T: Do chị T1 dùng số tiền 2.500.000đ để mua lại điện thoại của T nhưng không biết đây là điện thoại do T trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho chị T1 là có cơ sở.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu SH mode màu đỏ đen biển kiểm soát 43G1-348.42: Qua xác minh là tài sản riêng của chị Lê Thị Bích H1 (vợ T) mua trước thời kỳ hôn nhân. Chị H1 không biết T dùng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại xe cho chị H1 là có cơ sở.

+ Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, số IMEI 1: 35 777 175 0844 545, số IMEI 2: 35 777 175 0814 167 thu giữ của chị T1: Đây là điện thoại của chị Nguyễn Thị Tuyết N. Sau khi định giá phục vụ điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho chị N là có cơ sở.

[7] Về phần dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tuyết N đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, chị Tân Thị Thanh T1 đã nhận lại số tiền 2.500.000đ, không yêu cầu về phần dân sự nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29/5/2026. Giao bị cáo Phạm Hoàng T về cho UBND phường C, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Phạm Hoàng T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Hoàng T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phạm Hoàng T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Hoàng T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 29/5/2026. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người TGT;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp

- Lưu hồ sơ vụ án.

